

NHỮNG PHÁT HIỆN KHẢO CỔ HỌC VỀ THỜI ĐẠI ĐÁ MỚI THÁI NGUYÊN

Recent archaeological discoveries of Neolithic Age in Thai Nguyen

Ngày nhận bài: 20/5/2016; ngày phản biện: 30/5/2016; ngày duyệt đăng: 20/6/2016

Nguyễn Đức Thắng *

TÓM TẮT

Thái Nguyên là một địa điểm khảo cổ học nổi tiếng ở Việt Nam, nơi tồn tại kỹ nghệ Ngườm – kỹ nghệ mảnh tước với những công cụ đồ đá nhỏ độc nhất vô nhị ở nước ta. Tuy nhiên, bên cạnh những di tích thuộc kỹ nghệ mảnh tước và cuội ghè có niên đại hậu kỳ Đá cũ như Ngườm, Miêng Hồ, Thẩm Choong... ở Thái Nguyên còn tồn tại các di tích thuộc thời đại Đá mới phong phú. Hiện nay, càng ngày càng phát hiện được nhiều các di tích thuộc sơ kỳ đến hậu kỳ Đá mới ở Thái Nguyên như hang Khắc Kiêm, Nà Cà, mái đá Con Hồ, hang Kim Sơn... Hầu hết các di tích thuộc thời đại Đá mới Thái Nguyên đều là các di tích Bắc Sơn do sự gần gũi về địa bàn và sự ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Bắc Sơn đến địa bàn Thái Nguyên. Tiềm năng khảo cổ ở Thái Nguyên là rất lớn cần có sự đầu tư điều tra, thám sát, khai quật nghiên cứu chuyên sâu

Từ khóa: Thời đại Đá mới, Thái Nguyên, văn hóa Bắc Sơn, công cụ Đá mới

ABSTRACT

Thai Nguyen is a famous place for archaeology in Vietnam, and it exists Nguom industry with small and unique rocky tools. However, beside those vestiges which have later period of rich new rock such as Nguom, Mieng Ho, and Tham Choong..., it also exists vestiges belonging to rich new rock in Thai Nguyen. Today, more vestiges have been discovered for beginning period to later period of new rock in caves in Thai Nguyen such as Khac Kiem, Na Ca, Mai Da, Con Ho, and Kim Son. Almost all of vestiges of new rock in Thai Nguyen are Bac Son vestiges which because of close distance of geography and strong influences of Bac Son culture on the place of Thai Nguyen. Archaeological potential in Thai Nguyen is huge, and it needs more comprehensive and adequate investment, discovery and investigation.

Keywords: Period of new Rock; Thai Nguyen; Bac Son culture; new Rocky tools

1.1. Mở đầu

Trong những năm 70, 80 của thế kỉ XX, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã phát hiện được ở xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên những di tích khảo cổ học có niên đại từ hậu kỳ Đá cũ đến sơ kỳ thời đại đồ Đá mới như: Phiềng Tung, Ngườm, Nà Ngùn, Thẩm Choong, Hạ Sơn 1, Hạ Sơn 2... Trong đó, đặc

biệt với phát hiện di tích Ngườm đã cung cấp cho giới khảo cổ những nhận thức mới về con đường phát triển kỹ nghệ Ngườm - kỹ nghệ mảnh tước ở hậu kỳ Đá cũ Việt Nam và Đông Nam Á. Những phát hiện này còn góp phần khẳng định bước phát triển văn hoá của con người nguyên thủy trên mảnh đất Thái Nguyên nói riêng và nước ta nói chung. Với vị thế quan trọng và những phát hiện khảo cổ học có

* Thạc sĩ – Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Thái Nguyên

giá trị lớn trên địa bàn, việc nghiên cứu về thời tiền sử Thái Nguyên cần được chú ý hơn. Từ năm 2011 đến nay, Viện Khảo cổ học Việt Nam, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đã kết hợp nghiên cứu khảo cổ học trên địa bàn tỉnh này và thu được những kết quả quan trọng.

Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đến nay các nhà khảo cổ đã phát hiện được nhiều di tích của con người thời đại đồ đá tại bốn huyện: Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương và Đại Từ. Trong đó, khu vực huyện Võ Nhai có số lượng di tích tập trung nhất, tiêu biểu là Mái Đá Ngườm, hang Miệng Hồ, hang Thẩm Choong, hang Nà Ngùn, Hang Ốc, hang Nghinh Tắc, Khắc Kiệm ...

Cho đến nay tại Thái Nguyên đã phát hiện được 32 di tích thuộc thời đại đá, trong đó có 30 di tích hang động và 1 di tích thềm sông, 1 di tích ngoài trời. Trong đó tại huyện Võ Nhai đã phát hiện được 23 di tích hang động và thềm sông, huyện Đồng Hỷ phát hiện được 5 di tích, huyện Phú Lương phát hiện được 3 di tích, huyện Đại Từ chỉ phát hiện được một số riu và bôn đá mài ở ven sông không gắn với di tích và địa tầng. Trong tổng số 32 di tích thuộc thời đại Đá, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được có tới 23 di tích thuộc thời đại Đá mới, trong đó có 10 di tích được phát hiện trong thời gian gần đây. Các di tích thuộc thời đại Đá mới ở Thái Nguyên có địa tầng dày, mỏng khác nhau, do các di tích thường bị người dân địa phương tàn phá các tầng văn hóa để lấy phân dơi hay khai thác đá vôi, sử dụng làm kho bãi nên chúng tôi tập trung nghiên cứu và công bố kết quả của những di tích còn nguyên vẹn và mang những đặc điểm rõ nhất của các di tích thời đại Đá mới Thái Nguyên.

1.2. Những phát hiện các di tích thời đại Đá mới ở Thái Nguyên

Trong công trình *Đóng góp vào việc nghiên cứu tiền sử Đông Dương*, năm 1925, H Mansuy và M. Colani có nhắc đến các di tích Bắc Sơn ở huyện Võ Nhai là Khắc Kiệm, Nghinh Tắc, Nà Cà, Ky, Kim Sơn và Sán Xá ở, huyện Đồng Hỷ. Từ năm 2010 trở lại đây, một số di tích thời đại đá ở tỉnh Thái Nguyên đã được phát hiện và thám sát, đó là Hang Ốc, hang Kim Sơn và mái đá Con Hồ. Những tư liệu thu thập được từ các di tích này đã cho chúng ta có được một cái nhìn mới về khảo cổ học Thần Sa nói chung và quan hệ Ngườm - Bắc Sơn nói riêng. Chúng ta trở lại tư liệu một số di tích thời đại đá tiêu biểu ở Thái Nguyên.

1.2.1. Hang Khắc Kiệm: ở xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, nằm trong thung lũng hẹp, có một con suối nhỏ chảy qua. Cửa hang rộng 8m, quay hướng tây, lệch nam 15 độ. Hang có 2 khoang thông nhau, ngăn cách nhau bởi một vách nhũ đá. Hang đã được khai quật nhiều lần. Năm 1967, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã đến đây phúc tra lại. Theo những người khảo sát thì Khắc Kiệm là di chỉ thuộc văn hoá Bắc Sơn thuộc sơ kỳ Đá mới và cả giai đoạn hậu kỳ Đá mới (*Những hiện vật tàng tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam về văn hoá Bắc Sơn*, 1969).

Năm 2014, cán bộ Đại học Thái Nguyên đã đào 1m² thám sát ở chính giữa lòng hang, thuộc khoang ngoài. Hồ thám sát sâu 1,3m cho thấy địa tầng có cấu tạo như sau:

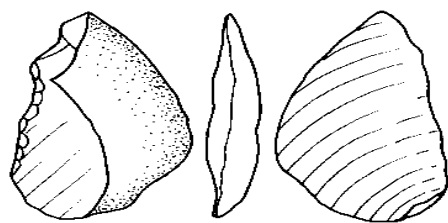
- Tầng I (dưới cùng), sâu từ 130cm - 107cm, tương ứng với lớp đào 7 và 8. Đất tối xốp, màu nâu hơi sáng, pha cát, có các đốm trắng vôi nhỏ li ti do nhũ tan ra. Có 1 tầng đá cát kết lớn chiếm tới một nửa diện tích đáy hố, trên bề mặt tầng đá tìm thấy công cụ cuội ở độ sâu 107cm.

- Tầng II, ở độ sâu 107cm - 55cm, tương ứng với các lớp đào 4, 5 và 6. Đất pha sét, màu nâu sẫm, chứa các mảnh đá quartz, cát kết, sét kết. Vết tích lốm đốm trắng tập trung ở phía bên trên và biến mất ở phía bên dưới. Lượng sét giảm từ trên xuống dưới, từ lớp 4 xuống lớp 6.

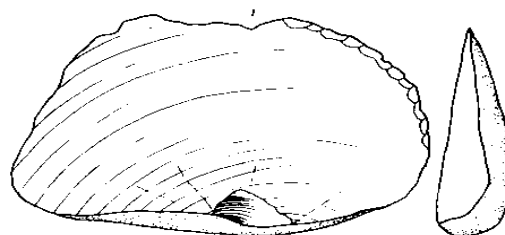
- Tầng III, sâu 55cm - 25cm, tương ứng với lớp đào 2 và 3. Trầm tích bờ rời, toi xốp, màu nâu sáng, chứa rất nhiều các mảnh/cục đá vôi, công cụ đá và vỏ ốc.

- Tầng IV (tầng trên cùng), từ bề mặt đến 25cm, tương ứng với lớp đào 2, trầm tích màu nâu sáng. Trong độ sâu từ 25cm-17cm có các lớp đất cháy đỏ, cứng dày 4cm, nằm chồng lên lớp tro xám dày 2cm, và bên dưới lớp tro xám lại là lớp đất cháy dày 2-3cm. Có thể đây là dấu tích của bếp. Từ 17cm lên mặt hang, là lớp đất mặt.

Trong hồ thám sát thu được 120 di vật đá. Trong đó, có tổng cộng 51 mảnh tước và mảnh tách với những đặc trưng của công cụ Ngườm. Đó chính là những lát cuội được bở mỏng làm thành những công cụ cắt, nạo có tu chính nhỏ ở rìa cạnh theo phong cách của kỹ nghệ Ngườm (*Bản vẽ 2*). Những mảnh tước này hầu hết được phát hiện ở lớp 6 và lớp 8 của tầng văn hóa Khắc Kiệm. Đây là những tầng văn hóa sớm tiếp tục phát triển lên lớp 5 đến lớp 1 thuộc văn hóa Bắc Sơn với nhiều thoi cuội nguyên liệu dùng làm dấu Bắc Sơn và các công cụ như công cụ hạch cuội không định hình, công cụ hình hạch nhân, công cụ hình bầu dục...



14KK.L5.3



14KK.L5.14

Bản vẽ 1: Mảnh tước tu chính nhỏ kiểu kỹ nghệ Ngườm trong lớp 5 hang Khắc Kiệm

(Nguồn: Tác giả)

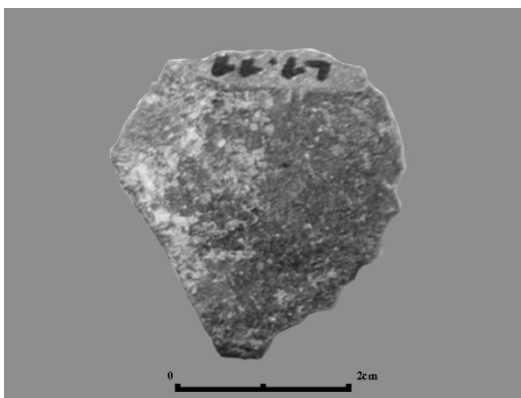
1.2.2. Hang Nà Cà (hay Thảm Ưông): thuộc xã Vũ Chân, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Tầng văn hóa di tích dày gần 1 mét, có các lớp sau: Lớp trên cùng, dày 8,0cm - 13,0cm, đất màu nâu nhạt trong có lẫn một ít vỏ nhuyễn thể và sỏi. Tiếp theo là lớp đất màu xám trắng, dày 12,0cm - 26,0cm chứa đầy vỏ nhuyễn thể cạn. Lớp đất văn hóa dưới cùng dày 45cm - 50cm, đất màu nâu sẫm, gặp nhiều viên cuội với kích thước to nhỏ khác nhau. Cuối cùng là trầm tích màu vàng nhạt, thu được 15 hiện vật.

Năm 1967, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam đã tiến hành đào 1 hố thám sát 3m² tại Nà Cà. Tầng văn hoá hang Nà Cà dày gần 1m chia làm 3 lớp. Số di vật tìm được gồm: 1 rìu đá; 1 hòn mài đá; 2 nạo đá ghè đẽo kiểu Hoà Bình; 5 công cụ chặt thô; 1 bàn kê bằng tảng đá; 1 chày nghiền bằng đá cuội; 1 mũi dùi bằng đá; 1 chiếc rìu ngắn; 1 nạo hình bán nguyệt; 1 hiện vật làm bằng sừng hươu nhỏ.

Ngoài số di vật tìm thấy trong hố đào, còn 46 hiện vật khác thu thập trên mặt gồm: 23 công

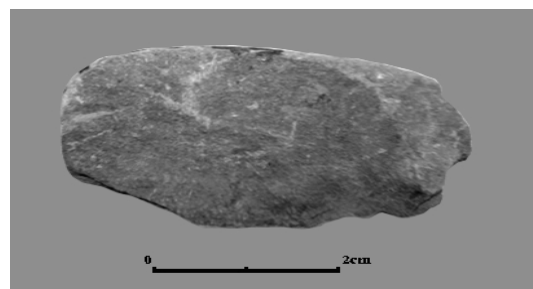
cụ chặt đập, 1 công cụ hình đĩa, 2 công cụ hình hạnh nhân, 2 nạo, 4 đá mài, 5 rìu ngắn, 1 đá có dấu mài và 2 mảnh gốm. Theo nhận định chung của các nhà nghiên cứu, đây là địa điểm thuộc văn hoá Bắc Sơn (*Những hiện vật tàng tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam về văn hoá Bắc Sơn*. 1969)

Cuối năm 2014, khoa Sử trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã đào 2m² thám sát hang Nà Cà. Trong hố thám sát và trên bề mặt hang thu được 42 hiện vật đá. Trong đó mảnh tước chiếm số lượng lớn, ngoài ra còn có một số công cụ hình rìu và chày nghiền, một số lượng rất lớn các thời cuội nguyên liệu để chế tác dấu Bắc Sơn. Trong tổng số 42 hiện vật đá thu lượm được trên bề mặt và trong 3 tầng văn hóa trong hố thám sát có 17 công cụ mảnh tước. Đặc biệt, trong số di vật tìm thấy ở hố khai quật tại hang Nà Cà, chúng tôi tìm thấy hai mảnh tước có kích thước, hình dáng hết sức gần gũi với công cụ mảnh tước Ngườm đó là 14.TU.L3 22 và 14.TU.L1 11. Hai công cụ mảnh tước này có kích thước chiều dài, chiều rộng, trọng lượng lần lượt là: 10cm, 4cm, 2.3cm, 0.3gr và 10cm, 3.2cm, 2.9cm, 0.5gr (*Ảnh 1,2*).



Ảnh 1. Mảnh tước 14.TU.L1 11

(Nguồn: Tác giả)



Ảnh 2. Mảnh tước 14.TU.L3 22

(Nguồn: Tác giả)

1.2.3. Mái đá Con Hồ: nằm ở phần đầu dãy núi đá vôi Con Hồ, xã La Hiên, huyện Võ Nhai có tọa độ: 21⁰43'54" vĩ Bắc, 105⁰53'57.2" kinh Đông. Trước mặt mái đá có con suối nhỏ; nền mái đá dài 25m, cao 15-20m, ăn sâu vào vách trong 6,5m. Năm 2014, tôi cùng với các chuyên gia thuộc Viện Khảo cổ Việt Nam đã đào 2 hố thám sát tại Mái đá Hồ: Hố 1 rộng 1, 6m² thu được 44 vỏ ốc suối có dấu chặt đuôi, 1 công cụ hạch cuội và 1 mảnh tước. Hố 2 rộng 1m², sâu 0,8m có cấu tạo địa tầng như sau: Lớp trên, dày 40cm, trầm tích màu nâu sáng tối, xốp, khô, ken dày vỏ ốc, di vật đá, mảnh và cục đá vôi, ít xương động vật. Lớp dưới, từ 40cm đến 80cm, có ít hiện vật đá, có xương hàm lợn và di cốt người. Ngoài 32 mảnh gốm tiền sử, mảnh sành ở đây còn thu được 116 di vật đá (*Bảng 1*)

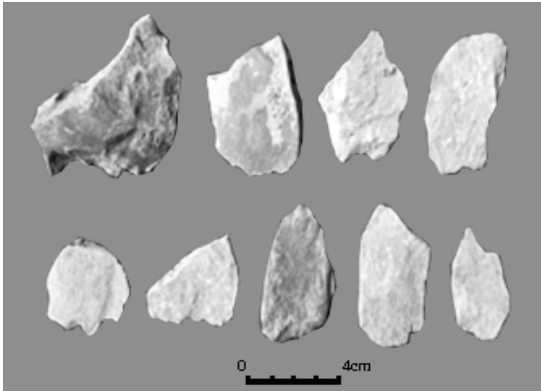
Bảng 1. Thống kê hiện vật đá thám sát

Mái đá Con Hồ

	Tên hiện vật	Lớp mặt	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3-4	Tổng
Đá	Công cụ hạch	1	1		1	3
	Công cụ mảnh		21	2	2	25
	Mảnh tước	1	5	12	10	28
	Mảnh tách		26	8	3	37
	Cuội nguyên liệu		4	10		14
	Dấu Bắc Sơn		1	2		3
	Thổ hoàng		3	1		4
	Bàn mài			1		1
	Chày	1				1
						116

(Nguồn: Tác giả)

Trong tổng số 116 công cụ đá có tới 90 công cụ mảnh, mảnh tước và mảnh tách. Công cụ mảnh ở đây mang yếu tố của công cụ mảnh tước Ngườm. Trong lớp 1 và 2 đã phát hiện được 3 dấu Bắc Sơn (Ảnh 3,4). Dấu Bắc Sơn rõ nhất có ký hiệu 14.MĐH.L1.01 có độ dài 5,9 cm, dày 2cm và rộng 1,8 cm với vết mài rất rõ. Niên đại dự đoán của mái đá Con Hồ cách ngày nay vào khoảng 6.000 - 7.000 năm.



Ảnh 3. Mảnh tước Mái đá Con Hồ

(Nguồn: Tác giả)

1.2.4. Hang Kim Sơn: ở xã Thần Sa, huyện Võ Nhai có tọa độ $21^{\circ}47'48,6''$ vĩ Bắc, $105^{\circ}53'42,4''$ kinh Đông, cách Mái đá Ngườm khoảng 1km về đông. Năm 2013, hang Kim Sơn được Viện Khảo cổ kết hợp với Đại học Sư phạm Thái Nguyên phát hiện, thu lượm

được 3 công cụ chặt rìa ngang, 2 công cụ rìa dọc, 1 bàn mài lõm, 15 mảnh tước, 4 đá nguyên liệu, 62 mảnh gốm có văn khắc vạch, văn thừng mịn, văn sóng nước. Tháng 5 - 2014, tôi cùng với các chuyên gia thuộc Viện Khảo cổ Việt Nam trở lại di tích và đào 2m² thám sát. Tầng văn dày 0,6m, gồm 2 phân vị địa tầng: Tầng I (lớp đào 1và 2) đất bờ rời, màu xám nhạt chứa hiện vật khảo cổ và nhiều vỏ nhuyễn thể. Tầng II (lớp 3, 4 và 5) đất cứng hơn, màu nâu sẫm. Hiện vật trong hố thám sát gồm các công cụ rìa lưỡi ngang, lưỡi dọc, rìa lưỡi xiên, hình móng ngựa, hai rìa lưỡi chủ yếu được chế tác từ những hòn cuội nguyên, tương tự như những công cụ cuội ở lớp văn hóa trên cùng ở Ngườm (Bảng 2).



Ảnh 4. Dấu Bắc Sơn phát hiện ở tầng 1

(Nguồn: Tác giả)

Bảng 2. Thống kê hiện vật đá thám sát hang Kim Sơn

TT	Loại hình di tích, di vật	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Tổng
1	Công cụ rìa lưỡi ngang			1		2	3
2	Công cụ rìa lưỡi dọc	1					1
3	Công cụ rìa lưỡi xiên	2			1	1	4
4	Công cụ hình móng ngựa	1					1
5	Công cụ hai rìa lưỡi	3					3
6	Công cụ mảnh tước	2	2	1	2	4	11
7	Hạch đá	1					1
8	Mảnh tước	19	12	15	24	66	136
9	Đá có vết ghè	16	45	1	9	3	74
10	Cuội nguyên liệu	6	2	4			12
Σ		51	61	22	36	76	246

Trong số di vật đá trên, chúng tôi muốn lưu ý đến hạch đá phát hiện được ở lớp 1. Chiếc hạch đá vốn là tảng đá cuội đá tuf axit, đá thủy tinh núi lửa, có hình góc cạnh, có kích thước lớn 17cm x 12cm x 11cm. Ở trên một rìa cạnh tồn tại ít nhất dấu vết của 7 - 8 mảnh tước được tách ra (Ảnh 5,6). Đây là minh chứng, có một số lượng nhất định mảnh tước ở Kim Sơn được tách từ hạch đá. Đây cũng là kỹ thuật người cổ ở Mái đá Ngườm hay sử dụng. Những công cụ mảnh tước ở đây cũng được gia công trên rìa mép của mảnh tước tự nhiên (Bản vẽ 3).



Ảnh 5. Công cụ cuội dạng hạch đá



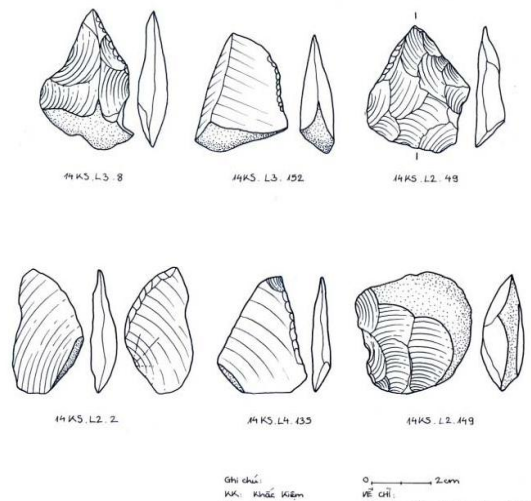
Ảnh 6. Công cụ cuội dạng hạch đá



Ảnh 7. Mảnh tước và công cụ mảnh tước

(Nguồn: Tác giả)

Một số mảnh gốm thô vẫn thường tìm thấy ở các lớp 1, 2, 3. Vỏ ốc suối tìm thấy ở tất cả các lớp, riêng lớp 5 tìm thấy cả vỏ ốc núi. Di cốt động vật có mặt ở các lớp 1, 2, 3, 4 nhưng số lượng ít. Một mẫu vỏ ốc ở lớp 4 được phân tích niên đại C14 cho kết quả là $11.380 \pm 275BP$ (Mẫu 2014. KS.M. HNK-1047). Qua so sánh chúng tôi cho rằng, địa điểm Kim Sơn tương đương với lớp văn hóa trên cùng (lớp văn hóa III) ở Ngườm, bảo lưu kỹ nghệ Ngườm trong giai đoạn chuyển tiếp từ Đá cũ sang Đá mới.



Bản vẽ 2: Công cụ có tu chỉnh nhỏ kiểu Ngườm phát hiện tại lớp 2 và 3 hang Kim Sơn
(Nguồn: Tác giả, Nguyễn Mai Oanh)

1.2.5. Hang Ốc: xóm Phố, xã Bình Long, huyện Võ Nhai, toạ độ $21^{\circ}38'35,4''$ vĩ Bắc, $106^{\circ}10'52,4''$ kinh Đông. Hang cao 15m so với thung lũng trước cửa hang. Hang được cán bộ Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Thái Nguyên phát hiện năm 2011 (Trình Năng Chung 2011). Cửa hang cao 13m, rộng 18m, hướng bắc. Nền hang rộng trung bình 34m, chiều sâu 33m, khá bằng phẳng, diện tích gần 1000m^2 . Trên bề mặt hang phủ đầy vỏ ốc suối bị chặt đười.

Trên mặt hang năm 2011 đã thu được 10 công cụ rìa ngang; 2 công cụ rìa lưỡi xiên; 10 công cụ mảnh cuội lớn, 160 mảnh tước, 62 viên đá có vết ghè, 37 đá cuội nguyên liệu, 1 bàn nghiền, 1 chày cùng 8 mảnh thổ hoàng và 1 mảnh gốm thô văn thừng. Ngoài ra còn thu lượm được 39 mảnh xương răng động vật, 5 vỏ ốc núi, 331 vỏ ốc suối, 11 vỏ trai (loài 2 mảnh), 85 hạt quả quả lai, quả quèo.

Công cụ đá ghè đười Hang Ốc chủ yếu là cuội basalt, một phần là rhyolith và granite. Trong loại hình công cụ, chiếm tỷ lệ cao nhất là chặt nạo rìa lưỡi ngang, chopper rìa lưỡi xiên. Ở đây vắng mặt công cụ điển hình của văn hóa Hòa Bình, tồn tại riu làm từ cuội bở kiểu Bắc Sơn, nhưng kỹ thuật không chuẩn xác như ở các địa điểm Bắc Sơn khác. Công cụ cuội bở có nhiều kiểu như hình đĩa, ô van, bầu dục, bán nguyệt, chữ U, hình thang, hạnh nhân song không thực sự chuẩn xác, chủ yếu giữ lại dáng của mảnh đá ban đầu. Phần lớn công cụ loại này nhỏ và mỏng, dùng để cắt nạo. Có thể nói công cụ mảnh cuội bở lớn cũng là một trong những đặc trưng của di chỉ này. Nhóm công cụ cuội nguyên như hòn ghè đập bằng đá quartz, chày nghiền và bàn nghiền chiếm tỷ lệ cao ở đây.

Ở Hang Ốc vừa là nơi cư trú, vừa là nơi chế tác công cụ. Mảnh tước ở đây không

hiều, kích thước lớn và vừa, hiếm mảnh tước nhỏ. Nhìn chung kỹ thuật chế tác công cụ đá là ghè đười trực tiếp, ít tu chỉnh nhỏ. Công cụ chủ yếu được ghè từ cuội nguyên nhưng, có một tỷ lệ đáng kể công cụ làm từ mảnh tước lớn. Mảnh tước được tách ra có chủ đích bằng kỹ thuật bở cuội dạng một phần hoặc nửa hòn cuội. Ở đây thỉnh thoảng cũng có hiện tượng tách cuội thành từng khoanh lát mỏng như thường thấy ở di chỉ mái đá Ngườm. Niên đại Hang Ốc có thể tương đương với các di tích thuộc văn hoá Bắc Sơn, sơ kỳ Đá mới [9].

1.3. Phác thảo vài nét về tổ chức xã hội và đời sống tinh thần

Việc dựng lại bức tranh về cuộc sống của con người thời đại nguyên thủy là một việc làm vô cùng khó khăn và phức tạp. Một phần do hạn chế về tình hình tư liệu, phần khác do tình hình phát hiện và nghiên cứu đời sống của cư dân thời nguyên thủy trên đất nước ta cũng chưa làm được bao nhiêu, cho nên việc tái hiện đời sống vật chất và tinh thần, những hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của người nguyên thủy trên đất Thái Nguyên lại càng khó khăn và phức tạp hơn. Để phác thảo đôi nét về tổ chức xã hội và đời sống tinh thần của cư dân thời đại Đá ở Thái Nguyên, tác giả bài báo căn cứ vào những cứ liệu vật chất đã thu nhập được, vừa phải dựa vào thành tựu nghiên cứu của giới khảo cổ học đã nghiên cứu về giai đoạn này, từ một bình diện rộng hơn.

Tổ chức xã hội của cư dân thời đại Đá Thái Nguyên dựa trên nền tảng kinh tế săn bắt, hái lượm là chính và sang thời đại Đá mới bước đầu đã biết tới nền kinh tế sản xuất sơ khai. Cư dân thời đại Đá Thái Nguyên cư trú chủ yếu trong các hang động, trong mỗi hang có thể có nhiều bếp lửa kích thước nhỏ. Đặc điểm đó chỉ ra rằng mỗi hang động là một đơn vị cư trú của một cộng đồng nhỏ. Sự tương đồng về tổ hợp di

vật, đặc biệt là truyền thống khai thác nhuyễn thể đã gợi ý rằng, các cộng đồng nhỏ của từng hang có mối liên hệ chặt chẽ với toàn bộ cộng đồng lớn của cư dân đương thời.

Cho đến nay những hiểu biết của chúng ta về văn hoá tinh thần, văn hóa phi vật thể của cư dân thời đại Đá Thái Nguyên cũng còn rất hạn chế. Dựa vào những tài liệu khảo cổ học hiện có thể suy đoán rằng, bước sang thời đại Đá mới, cư dân tiền sử Thái Nguyên đã có ý thức tìm cách giải thích những hiện tượng bí ẩn của thiên nhiên. Chủ nhân văn hoá Bắc Sơn ở mái đá Ngườm (tầng III), hang Khắc Kiệm, hang Con Hồ đã có những khái niệm về thế giới bên kia, về cuộc sống và cái chết. Trong bối cảnh đó, những lễ nghi tín ngưỡng sơ khai đã ra đời, thể hiện rõ trong việc chôn cất người chết. Những chủ nhân văn hoá Bắc Sơn ở Thái Nguyên không muốn xa rời những người thân của mình, vì vậy họ thường chôn người chết trong nơi cư trú. Họ chôn theo người chết những công cụ. Có một hiện tượng lý thú là, thi hài người chết thường được bôi thổ hoàng trước khi đem chôn. Trong di chỉ hang Con Hồ các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều hòn thổ hoàng hoặc chày nghiền còn mang dấu vết nghiền thổ hoàng. Thổ hoàng là một loại khoáng chất có màu đỏ sẫm. Theo một số nhà nghiên cứu, người nguyên thủy thường quan niệm màu đỏ biểu hiện cho sự sống vĩnh hằng, cho sự may mắn. Họ thường nghiền thổ hoàng bôi lên cơ thể với ý niệm làm đẹp cho chính bản thân. Trong rất nhiều trường hợp, họ còn bôi lên cơ thể người chết để cho linh hồn người chết được vĩnh hằng.

Tại các di chỉ hang Nà Cà và hang Ky đã tìm thấy một số hòn cuội có khắc mặt người trên bề mặt đá cuội. Theo nhận xét của nhiều nhà nghiên cứu đó là những tác phẩm nghệ thuật tạo hình của người tiền sử.

Một số cục đất nung có những vết khắc tìm thấy ở hang Nghinh Tắc, có chiếc có quy luật, có chiếc không theo một trật tự nhất định. Những hình khắc hình học đều có tính ước lệ cao. Chắc chắn có một mối liên hệ gần gũi giữa tư duy ước lệ trên các hình khắc với những hiện tượng đời thường nào đó.

Dẫu tư liệu về đời sống tinh thần của cư dân thời đại Đá Thái Nguyên còn ít ỏi, những phác họa về chúng vừa nêu ra còn mang nặng tính suy đoán, nhưng không thể không thừa nhận một thực tế là cư dân tiền sử Thái Nguyên đã có một thế giới tinh thần và thế giới ấy cũng đã phát triển phong phú, phức tạp và đa dạng.

1.4. Kết luận

Thái Nguyên - địa phương đã phát hiện và nghiên cứu nhiều di tích khảo cổ học, có niên đại sớm muộn khác nhau, song có lẽ tập trung và điển hình nhất là khảo cổ học thời đại Đá. Những phát hiện và nghiên cứu thời kỳ này tuy nhiều song còn rải rác, những nghiên cứu đó lại do những cơ quan và cá nhân cùng thực hiện do vậy kết quả chưa được đồng bộ, thống nhất. Tuy đã muộn nhưng đến thời điểm này cần nghiên cứu hệ thống, có trọng điểm, giai đoạn tiền sử Thái Nguyên cần được đầu tư, nghiên cứu sâu hơn. Chúng ta cần những chuyên khảo, những bài viết có hàm lượng khoa học cao nghiên cứu chuyên sâu về các di tích khảo cổ học tiền sử Thái Nguyên.

Tiềm năng về di sản văn hóa tiền sử ở Thái Nguyên là to lớn, rất cần được đầu tư, phát hiện và nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị. Có một thời, công cuộc điều tra, nghiên cứu các di tích khảo cổ ở Thái Nguyên hầu như ít được chú ý. Trong thập kỷ gần đây, công việc khảo cứu khảo cổ học Thái Nguyên mới được đẩy mạnh và có những thành tựu đáng kể.

Những gì chúng ta đã biết được về quá khứ của tổ tiên thực ra còn hết sức khiêm

nhường so với tiềm năng khảo cổ hiện còn tồn tại trong lòng đất nơi đây, mà chúng ta chưa có điều kiện khảo sát, nghiên cứu. Còn nhiều điều bí ẩn của quá khứ cần được giải đáp. Rất nhiều những di vật khảo cổ được người dân phát hiện trong quá trình sản xuất và xây dựng. Điều đáng lo ngại là nhiều di vật quý đã và đang trở thành hàng hoá do nạn buôn bán đồ cổ trái phép, điều này gây rất nhiều khó khăn trong việc nghiên cứu, nhận diện những đặc trưng văn hoá của thời tiền - sơ sử nơi đây. Tình trạng đó đặt ra cho địa phương nhiệm vụ khẩn trương xây dựng chương trình khảo sát, phát hiện, sưu tầm và nghiên cứu sâu về giai đoạn lịch sử rất quan trọng này.

Những thành tựu nghiên cứu về thời tiền sử Thái Nguyên thật to lớn, song cũng chỉ là kết quả ban đầu, còn nhiều vấn đề đặt ra cần được làm sáng tỏ trong tương lai. Chúng ta cần tiếp tục công tác điều tra cơ bản, tìm kiếm những di tích tiền sơ sử, bổ sung và làm phong phú thêm những tài liệu của những giai đoạn tiền - sơ sử còn chưa đầy đủ hoặc thiếu như văn hoá Sơn Vi, văn hóa trung kỳ Đá mới, văn hoá tiền Đông Sơn, văn hóa Đông Sơn... Cần có những kế hoạch bảo tồn những di chỉ quan trọng đã được

khai quật hoặc đào thám sát khoa học như di tích Mái đá Ngườm, hang Ốc, hang Khắc Kiếm... Từng bước xây dựng hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích cấp tỉnh hoặc Quốc gia để có điều kiện bảo tồn và phát huy giá trị. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục Luật Di sản Văn hoá đến với quảng đại quần chúng nhân dân, huy động nhân dân bảo vệ và giữ gìn các di tích lịch sử - văn hoá. Đối với cụm di tích Mái đá Ngườm - Miệng Hồ đã được Nhà nước công nhận là di tích Khảo cổ học cấp Quốc gia từ năm 1982 cũng không ngừng tăng cường công tác bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa của Di sản quý giá này.

Hiện nay, việc phát triển kinh tế Du lịch đang được đẩy mạnh ở Thái Nguyên. Trong việc khai thác du lịch phục vụ bảo tồn bền vững ở Thái Nguyên, chúng ta cần tạo sự liên kết giữa việc tham quan khu ATK Định Hóa với di tích Mái đá Ngườm và các di tích khảo cổ đồ đá khác tạo thành tour du lịch liên hoàn. Cũng cần có sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế và việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử của các Di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Căn (1986), “Về hai chiếc Rìu tay bằng đá cuội ở Mái đá Ngườm (Bắc Thái)” *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1990*, Viện Khảo cổ học, Hà Nội, tr. 58;
2. Trịnh Căn (1987), “Những công cụ kiểu Sơn Vi trong văn hóa Thần Sa”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1990*, Viện Khảo cổ học, Hà Nội, tr. 24 - 25;
3. Quang Văn Cây (1994), “Kỹ nghệ Ngườm và vị trí của nó trong thời đại đá Việt Nam”, *Luận án PTS Lịch sử*, Tư liệu thư Viện Khảo cổ học;
4. Quang Văn Cây, Trình Năng Chung, Ngô Thế Phong, Bùi Văn Tiến (1981), *Thần Sa - những di tích của con người thời đại đồ đá* (Bắc Thái);
5. Trình Năng Chung, Bùi Vinh và Phạm Thị Ninh (1989); “Về bộ sưu tập mảnh tước ở hang Lạng Nấc (Lạng Sơn)”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1989*, tr.42 - 45;
6. Trình Năng Chung (1990), “Về những mảnh tước có dấu vết tu chỉnh ở hang Bó Lắm (Lạng Sơn)”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1990*, tr.53 - 55;
7. Trình Năng Chung (1991), “Kỹ nghệ Ngườm và văn hoá Bắc Sơn”, *Khảo cổ học*, số 2, Hà Nội, tr.16 - 21;
8. Trình Năng Chung (2007), “Về chiếc rìu có vai, có nấc mới phát hiện ở Mái đá Ngườm”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1990*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 80;
9. Trình Năng Chung (2011), “Báo cáo điều tra, thám sát khảo cổ học huyện Võ Nhai và Đồng Hỷ năm 2011”, *Tư liệu Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch Thái Nguyên*;
10. *Đại Nam nhất thống chí*, Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), Nxb. Thuận Hóa, Huế;
11. *Địa chí Thái Nguyên*, Tỉnh ủy - Hội dân - đồng nhân Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2009), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
12. *Đồng Khánh dư địa chí* 2005, Nhóm biên tập bản điện tử Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên;
13. Nguyễn Gia Đồi (1985), Khai quật hang Dơi (Lạng Sơn), Tư liệu Viện Khảo cổ học;
14. Nguyễn Gia Đồi - Bùi Vinh (1988), “Hang Dơi - Suy nghĩ thêm về văn hóa Bắc Sơn”, *Khảo cổ học*, số 1 - 2, tr. 12 - 19;
15. Hà Hữu Nga (1991), “Mối quan hệ Ngườm - Bắc Sơn”, *Môi trường Văn hóa và Con người trong bước chuyển từ Pleistocene - Holocene ở Việt Nam*, Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội, tr.150 - 160;
16. Hà Hữu Nga (2001), *Văn hóa Bắc Sơn*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.130 - 131;
17. H. Mansuy (1924), Contribution a l’etude de la prehistoire de l’Indochine IV - stations prehistoriques dans les cavernes du massif calcaire de Bac - son (Tonkin) MSGI.Vol.XI.fase.2.Ha Noi.